

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

Practice 1-1 See Scripts for Listening, page 216

Practice 1-2 Review Dialog Two and answer the questions in a paragraph format:

Quang là anh của Liên đang muốn tìm việc làm. Anh ấy cần đọc phần quảng cáo trong các báo. Anh ấy nhờ Liên mua hai tờ báo – *Orange County Register* và *LA Times*. Quang chưa cần ngay nhưng muốn đến chiều phải có. Liên nói sẽ mua ngay. Quang cảm ơn Liên nhưng Liên chỉ muốn Quang đãi cô ta ăn nhà hàng sau khi kiếm được việc. Đãi ăn nhà hàng là mời Liên ăn tiệm và Quang sẽ trả tiền. Quang nhận lời. Thay vì nói ‘đương nhiên’ Quang nói ‘khỏi phải nói’. Tôi hiện có việc làm rồi. Chỉ có Quang mới cần.

Practice 1-3 Review Dialog Three and answer the questions. Cross out words not in use (if any).

1. Nghề ‘nhàn’ là nghề không phải làm việc nhiều, không làm việc nặng, lương cao.
2. Nghề ‘cực’ là nghề phải làm việc nặng và thường ít lương.
3. Tôi không tin ở Mỹ ai cũng cực hết.
4. *Phi thương bất phú* nghĩa là ‘có buôn bán mới giàu’.
5. Lương ‘ba cọc ba đồng’ nghĩa là ‘lương rất thấp’.
6. Trang nói các nghề như ‘bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, luật sư’ kiếm nhiều tiền. (Xin sửa lại là Trang thay vì Ngọc.)
7. Định nói ba nghề này – bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ – thì phải học nhiều, mắc nợ nhiều.
8. Làm con triệu phú không dễ không khó. Có thể đó là số mạng. ‘Do you believe in fatalism?’
9. Đời đôi khi là một giấc mơ.
10. Theo tôi làm được cái nghề gì bạn thích là sướng nhất.
11. Tôi muốn làm nghề đi dạy/viết sách/buôn bán/cảnh sát/bác sĩ/nha sĩ/luật sư/...
12. Tôi chọn nghề ấy là vì yêu nghề/nghe nghề ấy nhiều tiền.
13. Không cần, ở Mỹ chỉ cần một nghề cho thật giỏi.
14. Nghề tay trái là nghề “phụ làm ngoài giờ”(moonlighting job) để kiếm thêm tiền.
15. Tùy theo nghề, thông thường nghề chân tay kiếm được nhiều tiền hơn.

Practice 1-4 Listen to the speaker and fill in the blanks with the words you hear. See Scripts for Listening Practices, page 216.

Practice 1-5 Read these words aloud and match them with the correct definition. Try to guess:

- | | | | |
|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
| <u>o</u> bồn hoa | <u>r</u> buôn bán | <u>a</u> cây ăn trái | <u>k</u> chủ nhà |
| <u>p</u> cuối cùng | <u>b</u> dược sĩ | <u>d</u> bác sĩ | <u>l</u> hãng máy bay |
| <u>c</u> kỹ sư | <u>q</u> luật sư | <u>e</u> lương | <u>n</u> quảng cáo |
| <u>i</u> chung cư | <u>m</u> nhà bếp | <u>h</u> tử tế | <u>g</u> chuyên về |

Practice 1-6 Review the Reading and answer these questions:

1. Quang từ San Jose dọn xuống Orange County (OC).
2. Vì Quang tìm được việc làm tại OC.
3. Anh ấy muốn thuê nhà ba phòng.
4. Anh ấy đi tìm nhà mất hai tuần lễ.
5. Anh ấy thuê được nhà ở thành phố Anaheim.

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

6. Ông chủ nhà làm trong ngành tài chính ‘finance’
7. Bà chủ nhà làm nghề hoạ đồ nghệ thuật bằng điện toán.
8. Tiền nhà mỗi tháng là 1.400 đô-la.
9. Trước nhà có bồn hoa và sân cỏ rất đẹp.
10. Cây dừa trông rất nên thơ.
11. Quang rất mừng vì tìm được căn nhà vừa ý.
12. Tiện nghi tối thiểu là: điện, nước, khí đốt, cầu tiêu, buồng tắm.
13. ‘Xi-măng’ là từ chữ ‘cement’.
14. Tôi rất thích hoạ đồ nghệ thuật nhưng tôi vẽ rất xấu.
15. Ở Anaheim, số nhà chẵn thì nhà quay về hướng bắc hoặc hướng tây.
16. Anh chị Quang không phải trả tiền rác.
17. Trong vườn có vài cây ăn trái và bồn hoa.
18. ‘Xi-măng’ là chữ mượn của tiếng Pháp.
19. Tôi trước kia ở chung cư, nay thì ở nhà.
20. Mỗi tháng tôi trả tiền nhà là _____ đô-la/đồng.

Practice 1-7 Underline the compound nouns in the passage below:

Quang là kỹ sư ngành điện toán. Anh ấy tốt nghiệp ba năm trước và xin được việc làm tại San Jose. Năm nay anh xin được việc làm tại một công ty với số lương cao hơn tại Orange County.

Vợ anh Quang là chị Thủy đi dạy học. Chị ấy cũng xin dạy được ở một trường trung học ở Orange. Con trai đầu của anh chị Quang-Thủy đang học về kịch nghệ ‘performing art’ và cô con gái là Phương Hạnh đang học được ‘pharmacy’ tại UCLA. Anh Quang về ở tại Orange, Hạnh đi học gần nhà hơn và chị Thủy thích dạy thêm tiếng Việt vào cuối tuần tại các trung tâm Việt Ngữ. Con cái của họ đều rất ngoan ngoãn và chăm học.

Cuộc sống của gia đình anh chị Quang và Thủy thật hạnh phúc.

Practice 1-8 Fill out the application, using the facts and information in the following passage:

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

Lý Lịch Cá Nhân*

(personal information)

Họ và tên Nguyễn Văn Mười Hai ngày sinh 03 /01/ 1978

Số an sinh xã hội** 101 - 01 - 1001 Số điện thoại (777) 222 – 5555

Địa chỉ 15321 đường Milky Way, thành phố Lotita, Catalina Island

Hiện đang làm việc tại Công ty R&R Construction Inc.

Tốt nghiệp ngành công chánh Năm nào 2001

Tên cha Nguyễn Văn Đức Sống hay chết? còn sống

Tên mẹ Trần Thị Mỹ Thê Sống hay chết? còn sống

Địa chỉ của cha mẹ 2043/E 51 đường Trần Quốc Toàn, Phường 5, Cần Thơ, Việt Nam

Làm tại Sài Gòn ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ký tên



Mẫu lý lịch số 102HC/LCN

Practice 1-9 Complete the following sentences in your own words. Cross out words not in use:

1. Tôi sẽ học ngành điện toán/nha/y/dược/giáo dục/thương mại/kỹ sư/mua bán nhà/... .
2. Anh ấy vừa mới xin được việc làm tại hãng điện tử ‘electronics company’.
3. Dạy học là một công việc chứ không phải là một nghề.
4. Tôi không đồng ý dạy học là một công việc.
5. Nha sĩ Nguyễn Tuấn làm việc rất tận tâm ‘conscientious’.
6. Kỹ sư Lê Văn Quang đang làm việc tại Công ty R&R Construction Inc..
7. Con triệu phú thì không phải làm việc nặng nhọc ‘do hard work’.
8. Anh ấy lãnh lương mỗi tháng hai lần.
9. Thợ mộc thì làm ra bàn, ghế, giường, tủ.

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

10. Gia đình ông ấy có hai người con: một trai và một gái.
11. Chung quanh nhà tôi có bồn hoa và cây ăn trái.
12. Theo tôi nghề làm tiền nhiều nhất là tháng nào cũng trúng số. Giỡn thôi. Tôi không biết. ‘Winning a superlotto jackpot every month. Just kidding. I don’t know.’
13. Tôi chọn nghề dựa theo sở thích.
14. Tôi chỉ chọn nghề nào tôi thích.
15. Nghề nào cũng tốt miễn là nghề ấy mình thích.
16. Những sinh hoạt dùng chữ đi là: *đi làm, đi học, đi chợ, đi ăn, đi tiêu, đi tiêu, đi chơi*
17. Có nhiều loại báo: báo ngày, báo tuần, báo tháng, báo năm, báo điện tử, báo ảnh, vv..
18. Ba loại sân là: sân bóng ‘soccer field’, sân chơi ‘playground’ và sân nhà ‘front yard’
19. Tôi biết có bốn loại: nhà vườn, nhà chung cư, nhà gian, nhà căn. Ở Việt Nam thì có nhà tranh ‘thatch-roofed house’, nhà ngói ‘tile-roofed house’, nhà lầu, nhà trệt, nhà gạch, nhà sàn ‘house on stilts’.
20. Tiện nghi tối thiểu là: điện nước, cầu tiêu, buồng tắm, khí đốt, chỗ đổ rác.

Practice 1-10 List all the jobs and careers that you know: (These are just samples. You can have more.)

a) việc làm: cắt cỏ, làm vườn, thư ký kế toán, nhân viên giao hàng ‘delivery person’, thợ lắp ráp ‘assembler’, thợ máy ‘automechanic’, thợ mộc, thợ nề ‘bricklayer’, nội trợ ‘homemaker’, kiến trúc sư ‘architect’, diễn viên ‘actor’, ...

b) nghề: nghề nông, nghề giáo, nghề chăn nuôi, nghề thợ mộc, nghề chài lưới, nghề làm rừng, nghề thủ công, nghề công chức, nghề luật sư, nghề chữa bệnh ‘medical career’, nghề làm răng ‘dentistry’ nghề làm kính ‘optometry’, ...

Practice 1-12 Superlative form. Rewrite the sentences, using the given information.

1. Xe M. mắc nhất trong ba loại xe. Xe F. rẻ nhất trong ba loại xe.
2. Trường Cypress xa nhất trong ba trường. Trường Coastline gần nhất trong ba trường.
3. Loan có nhiều tiền nhất trong ba người. Mai có ít tiền nhất trong ba người.
4. Tom học lớp cao nhất trong ba người. John học lớp thấp nhất trong ba người.
5. Nhà A cao nhất trong ba nhà. Nhà C thấp nhất trong ba nhà.
6. Gia đình Trung có nhiều con nhất trong ba gia đình. Gia đình Nam có ít con nhất trong ba gia đình.
7. Sách toán có nhiều trang nhất trong ba loại sách. Sách hoá có ít trang nhất trong ba loại sách.
8. Mai cao nhất trong ba người. Oanh thấp nhất trong ba người.

Practice 1-13 Make a compound noun from each of the given words or phrases:

việc ăn uống	việc dạy dỗ (con cái)	việc buôn bán
cái khôn/sự khôn ngoan	chợ búa	xe cộ
cái khó/kẻ khó	bạn bè/tình bạn	việc làm ăn/chuyện làm ăn
việc xây cất	việc/sự nghỉ ngơi	áo quần/ áo đầm/áo dài
cái nghèo/người nghèo	cái ăn/ăn uống	sự/việc viếng thăm

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

sự làm ầu
nỗi buồn/cái buồn

chén trà/chén bát
sự vất vả

sự khó chịu/vẻ khó chịu
sự suy nghĩ

Trang Tập Viết:



Chúng tôi khuyến khích mọi sinh viên tham gia vào trang này để tập viết.

‘Writing skill development. All students are encouraged to participate in this part to promote their writing skill.

☐ Xem hình vẽ dành cho mỗi mẫu chuyện, dùng các từ cho sẵn để trả lời các câu hỏi hướng dẫn. Look at the pictures labeled for a short story, use the given words and answer all the questions



thanh niên
ngành luật
tốt nghiệp

Thanh niên tốt nghiệp ngành gì?



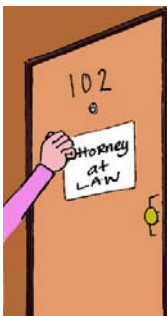
luật sư
trẻ
văn phòng

Luật sư trẻ sau đó làm gì?



thân chủ
chẳng có
buồn

Luật sư trẻ cảm thấy thế nào?



có người
gõ cửa
một hôm

Một hôm có chuyện gì xảy ra?

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices



luật sư
thấy
mừng rỡ

Luật sư trẻ cảm thấy ra sao?



nói chuyện
giả bộ
nhắc điện thoại

Luật sư trẻ giả bộ làm gì?



người đàn bà
nói chuyện
đang bận
trong vài phút

Luật sư trẻ nói gì với người đàn bà?



cảm ơn
thân chủ
đã đợi
gát máy

Khi người đàn bà bước vào, luật sư nói gì?



gắn dây điện thoại
không cần gì
công ty điện thoại
nhân viên

Người đàn bà nói gì với luật sư trẻ:

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

☐ Điền vào chỗ trống về mẩu chuyện với các từ-ngữ ở trên đây

Một thanh niên vừa tốt nghiệp _____ . Luật sư trẻ liền mở _____ , nhưng chẳng có _____ nào đến. Luật sư cảm thấy _____. Một ngày kia luật sư trẻ nghe có người _____ văn phòng. Luật sư trẻ rất _____. Anh ta _____ lên và giả bộ đang nói chuyện với thân chủ. Anh ta nói với _____: “Xin mời vào. Tôi đang bận _____ với một thân chủ. Xin vui lòng đợi cho _____.”

Luật sư trẻ gác _____ và nói với người đàn bà: “Cảm ơn bà _____. Xin hỏi bà cần gì?”

Người đàn bà nói: “Tôi không cần gì cả. Tôi là _____ của công ty _____ . Tôi đến để gắn dây điện thoại cho ông.”



☐ Đây là mẩu chuyện khôi hài.

Một thanh niên vừa tốt nghiệp ngành luật. Luật sư trẻ liền mở văn phòng, nhưng chẳng có thân chủ nào đến. Luật sư cảm thấy buồn. Một ngày kia luật sư trẻ nghe có người gõ cửa văn phòng. Luật sư trẻ rất mừng rỡ. Anh ta nhấc điện thoại lên và giả bộ đang nói chuyện với thân chủ. Anh ta nói với người đàn bà: “Xin mời vào. Tôi đang bận nói chuyện với một thân chủ. Xin vui lòng đợi cho vài phút.”

Luật sư trẻ gác điện thoại và nói với người đàn bà: “Cảm ơn bà đã đợi. Xin hỏi bà cần gì?”

Người đàn bà nói: “Tôi không cần gì cả. Tôi là nhân viên của công ty điện thoại. Tôi đến để gắn dây điện thoại cho ông.”

Vietnamese for Busy People 2 – Lesson One – Answer to Practices

A young man finished law school. He opened a law office, but he had not clients. He was very sad. One day the young lawyer heard a knock at the door of his office. He was very happy. He picked up the telephone and pretended he was talking to a client. Then he said to the woman at the door. "I'm busy talking to a client right now. I'll be with you in a minute."

The young lawyer hung up the phone and said to the woman, "Thanks for waiting. What can I do for you?"

"I don't know," the woman said, "I'm from the telephone company. I came to connect your phone."